

Số: 09/2024/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 29 tháng 6 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ  
doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa  
trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH  
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 ngày 11 tháng 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BKHHCN ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030;

Xét Tờ trình số 2635/TTr-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về dự thảo Nghị quyết quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2030; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh

Trà Vinh đến năm 2030 theo quy định tại Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 (gọi tắt là Chương trình 1322).

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình 1322 và cơ quan tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

## **Điều 3. Mức chi thực hiện Chương trình 1322**

1. Đối với các nội dung chi được quy định tại khoản 1 và 2 Điều 5, khoản 2 Điều 7, khoản 1, 2, 3, 4 và 6 Điều 8 Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 đã được dẫn chiếu áp dụng mức chi của các thông tư khác có liên quan thì mức chi được thực hiện theo quy định của các thông tư đó và các văn bản đã được địa phương quy định chi tiết (*đính kèm Phụ lục*).

2. Mức chi hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh; tham gia các chương trình đào tạo của quốc tế

a) Các doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện tham gia Chương trình 1322 theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ được hỗ trợ các nội dung sau:

- Áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, đẩy mạnh áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng đặc thù của ngành, lĩnh vực, tiêu chuẩn về hệ thống quản lý mới được công bố:

+ Hỗ trợ lần đầu áp dụng các công cụ cải tiến năng suất chất lượng. Mức hỗ trợ 100% chi phí nhưng không quá 30.000.000 đồng/1 công cụ (bao gồm các khoản tư vấn, đánh giá chứng nhận). Mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ không quá 03 công cụ.

+ Hỗ trợ lần đầu áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, môi trường, năng lượng, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp. Mức hỗ trợ 100% chi phí nhưng không quá 100.000.000 đồng/1 hệ thống (bao gồm các khoản chi tư vấn, đào tạo, đánh giá, chứng nhận). Mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ không quá 03 hệ thống.

- Áp dụng truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa, áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (G.A.P), thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh; áp dụng tiêu chuẩn, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh:

+ Hỗ trợ lần đầu áp dụng tiêu chuẩn, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh. Mức hỗ trợ 100% chi phí nhưng không quá 30.000.000 đồng/1 tiêu chuẩn/công cụ (bao gồm các khoản tư vấn, đánh giá chứng nhận). Mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ không quá 03 tiêu chuẩn/công cụ.

+ Hỗ trợ áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa. Mức hỗ trợ 100% chi phí nhưng không quá 100.000.000 đồng cho quá trình xây dựng hệ thống

(bao gồm tư vấn, đào tạo tập huấn kỹ thuật tại nơi áp dụng truy xuất nguồn gốc, tem, đánh giá, chứng nhận lần đầu) cho doanh nghiệp.

+ Hỗ trợ áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (G.A.P), thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh. Áp dụng mức chi tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025.

- Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số chuyển đổi thiết lập, tối ưu hóa, hiện đại hóa hệ thống quản trị doanh nghiệp. Áp dụng mức chi tại khoản 1, khoản 2 Điều 11 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Hỗ trợ chứng nhận sản phẩm, hàng hóa, chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, môi trường, năng lượng, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp và chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế. Mức hỗ trợ 100% chi phí nhưng không quá 20.000.000 đồng/sản phẩm (nhóm sản phẩm). Mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ không quá 03 sản phẩm (nhóm sản phẩm).

b) Nhiệm vụ hỗ trợ quy định tại điểm a khoản này được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành.

c) Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các chương trình đào tạo của Tổ chức Năng suất Châu Á và các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế, khu vực. Áp dụng mức chi tại khoản 2 Điều 3, Điều 5 Thông tư số 88/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ ở trong nước và ngoài nước bằng ngân sách nhà nước.

#### **Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm của ngân sách địa phương theo phân cấp hiện hành.

2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 5. Một số quy định khác**

1. Các nhiệm vụ không được quy định chi tiết tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030.

2. Khi các văn bản dẫn chiếu để áp dụng Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

## **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X - kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 09 tháng 7 năm 2024./.

**CHỦ TỊCH**

**Kim Ngọc Thái**

**Phụ lục**  
**MỨC CHI CHI TIẾT THEO KHOẢN 1 ĐIỀU 3 NGHỊ QUYẾT**  
**SỐ 09/2024/NQ-HĐND NGÀY 29 THÁNG 6 NĂM 2024 CỦA**  
**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**  
(Kèm theo Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2024  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

<b>Khoản, Điều theo Thông tư 35/2021/TT- BTC</b>	<b>Nội dung chi</b>	<b>Mức chi</b> <i>(áp dụng các mức chi cụ thể theo các văn bản quy định chi tiết)</i>
Khoản 1 Điều 5	Xây dựng chương trình truyền thông về năng suất chất lượng; phổ biến, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm về nâng cao năng suất lượng	
Điểm a	Chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm báo chí, xuất bản (chương trình, chuyên mục, tiểu phẩm, ký sự, bài viết).	Mức chi theo Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ quy định chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản.
Điểm b	Chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm văn học nghệ thuật (tranh, p-nô, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu, bảng điện tử)	Mức chi theo Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác
Điểm c	Chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng chương trình truyền hình, chương trình phát thanh	Mức chi theo Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình và Thông tư số 09/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh
Điểm d	Các nội dung chi khác (chi phí in, phát hành đối với báo chí in, xuất bản phẩm)	Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm,

<b>Khoản, Điều theo Thông tư 35/2021/TT- BTC</b>	<b>Nội dung chi</b>	<b>Mức chi</b> <i>(áp dụng các mức chi cụ thể theo các văn bản quy định chi tiết)</i>
		hiệu quả;
Điều 6	Tổ chức các hội nghị tuyên truyền, phổ biến chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm về nâng cao năng suất lượng	Mức chi theo Nghị quyết 48/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh
Khoản 2 Điều 5	Tạo lập, duy trì và khai thác phát triển cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chuẩn đối sánh, thực hành tốt về năng suất để phục vụ doanh nghiệp và các cơ sở dữ liệu liên quan khác	Mức chi theo Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.
Khoản 2 Điều 7	Chi hỗ trợ nâng cao năng lực tổ chức chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để được công nhận, thừa nhận ở khu vực và quốc tế	Mức chi theo Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật.
Khoản 1 Điều 8	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ; tuyển chọn các nhiệm vụ của Chương trình 1322; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện dự án, nhiệm vụ của Chương trình 1322; tổ chức các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất của cơ quan thường trực hoặc đầu mối tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình 1322; tổ chức hội thảo khoa học	Mức chi theo Thông tư số 15/2022/TT-BKHCN ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030
Khoản 2 Điều 8	Chi cho các nhiệm vụ nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế chính sách, các giải pháp về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thúc đẩy, năng suất quốc gia, ngành, địa phương	Mức chi theo Thông tư số 15/2022/TT-BKHCN ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất

<b>Khoản, Điều theo Thông tư 35/2021/TT- BTC</b>	<b>Nội dung chi</b>	<b>Mức chi</b> <i>(áp dụng các mức chi cụ thể theo các văn bản quy định chi tiết)</i>
	và doanh nghiệp trong quá trình tái cấu trúc nền kinh tế; các nhiệm vụ nghiên cứu, triển khai ứng dụng các giải pháp năng suất xanh và phát triển cộng đồng	lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030
Khoản 3 Điều 8	Chi công tác phí, tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết Chương trình 1322	Mức chi theo Nghị quyết 48/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh
Khoản 4 Điều 8	Chi văn phòng phẩm, thanh toán dịch vụ công cộng (tiền điện, nước, thông tin liên lạc)	Thực hiện thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt
Khoản 6 Điều 8	Chi các hoạt động hợp tác quốc tế về năng suất chất lượng	Mức chi theo Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí; Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.